KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC GIÁO DỤC CỦA LỚP MẪU GIÁO GHÉP 4 + 5 TUỔI NĂM HỌC 2025 – 2026

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC

TT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Dự kiến thời gian
			Chung	Riêng	
1. Giáo dục phát triển thể chất					
a) Phát triển vận động					
1	4	Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh.	* 4, 5 tuổi: - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, 4t: nắm, mở bàn tay; 5t: quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi tay (5t: Co và duỗi từng tay kết hợp kiễng chân).	- Tay: Vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu) - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước - Chân: + Nhún chân. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.	1 - 9
2	5	Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	- Lưng, bụng, lườn: + Quay sang trái, sang phải (5t: Kết hợp tay chống hông hoặc 2 tay dang ngang, chân bước sang phải sang trái). + Nghiêng người sang trái, sang phải (5t: Kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái). + Ngửa người ra sau (5t: kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái). - Chân: + Ngồi xổm, đứng lên; bật tại chỗ.	- Tay: Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, lên cao. - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.	1 - 9
3	4	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:	* 4, 5 tuổi: + Đi khuỵu gối, + Đi trên (4t: vạch	+ Đi bằng gót chân, đi lùi. + Đi trên ghế thể	

		- Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.	kẻ thẳng; 5t: dây đặt) trên sàn.	dục.	1, 2, 4, 5, 6
4	5	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. - Đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây.		+ Đi bằng mép ngoài bàn chân. + Đi trên ván kê dốc. + Đi nối bàn chân tiến, lùi.	1, 2, 4, 5, 6
5	4	Kiểm soát được vận động: Đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 - 5 vật chuẩn đặt dích dắc).	* 4, 5 tuổi: + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh	+ Đi, chạy dích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn.	1, 2, 3, 4, 6, 7
6	5	Kiểm soát được vận động: Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).		+ Đi, chạy thay đổi hướng, dích dắc hiệu lệnh.	1, 2, 3, 4, 6, 7
7	4	Phối hợp tay- mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liền không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). -Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên	* 4, 5 tuổi: + Tung bóng lên cao và bắt. + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Đập và bắt bóng tại chỗ. + Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân.	+ Tung bắt bóng với người đối diện.	3, 4, 5, 6, 7, 9

		tiếp.			
8	5	Phối hợp tay- mắt trong vận động: - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). - Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m). - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4-5 lần liên tiếp.		+ Tung bắt bóng tại chỗ. + Ném trúng đích bằng 2 tay. + Đi đập và bắt bóng.	3, 4, 5, 6, 7, 9
9	4	Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2 m). - Bò trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	* 4, 5 tuổi: + Chạy (15m, 18m) khoảng 10 giây. + Chạy chậm (60 - 80m; 100 - 120m). - Tung, ném, bắt; + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Bật xa (30 – 35 cm; 40 – 45cm). + Bật - nhảy từ trên cao xuống (30 - 35cm; 40 - 45cm). + Bật tách chân, khép chân qua (5 ô, 7 ô). + Bật qua vật cản cao (10 - 15cm; 15 - 20cm). + Bò dích dắc qua 5, 7 điểm. + Bò bằng bàn tay, bàn chân (3 - 4m; 4m - 5m). + Bò chui qua ống dài (1,2m x 0,6 m, 1,5m x 0,6m). + Trèo lên, xuống thang (5, 7 gióng). + Nhảy lò cò (3m; 5m).	+ Bò chui qua cổng. + Trườn theo hướng thẳng. + Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. - Bật - nhảy: Bật liên tục về phía trước.	1 - 9
10	5	Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. - Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2m). - Bò vòng qua 5 - 6 điểm dích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu.		+ Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. - Tung, ném, bắt: + Ném trúng đích bằng 2 tay. + Bật liên tục vào vòng.	1 - 9

11	4	Thực hiện được các vận động: - Cuộn - xoay tròn cổ tay. - Gập, mở, các ngón tay.		- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gắn, nối…	1, 3, 7
12	5	Thực hiện được các vận động: - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay.		- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay.	1, 3, 7
13	4	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng lắp ráp với 10-12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	* 4, 5 tuổi: - Xé - Tô - Cài, cởi cúc, xâu, buộc dây	- Gập giấy. - Lắp ghép hình; - Cắt đường thẳng - Vẽ hình	2, 4, 8.
14	5	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. - Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (Phéc mơ tuya)		- Bẻ, nắn. - Lắp ráp - Cắt đường vòng cung. - Đồ theo nét. - Kéo khóa (phéc mơ tuya), luồn dây.	2, 4, 8.

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe					
15	4	Biết một số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá,...có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin.	* 4, 5 tuổi: - Nhận biết một số thực phẩm thông thường (4t: trong các nhóm thực phẩm trên tháp dinh dưỡng; 5t: theo 4 nhóm thực phẩm)		2, 6
16	5	Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả…		- Phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.	2, 6
17	4	Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...		- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn	2
18	5			- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.	2
19	4	Biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng. *- Quyền được sống: Quyền được chăm sóc sức khỏe, nuôi dưỡng, giáo dục.*	* 4, 5 tuổi: - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì…). *- Nhu cầu của bản thân và sử dụng đồ dùng, nguyên liệu, thực phẩm vừa đủ, tránh lãng phí.* *- Trẻ được chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ (khám sức khoẻ định kì, tiêm chủng, được*		2
20	5	Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe. *- Quyền được sống:*			2

		Quyền được chăm sóc sức khỏe, nuôi dưỡng, giáo dục.	*phòng và chữa bệnh…).* *- Trẻ được nuôi dưỡng – CS - GD để phát triển toàn diện.*		
21	4	Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	* 4, 5 tuổi: - Đi vệ sinh đúng nơi quy định	- Tập đánh răng lau mặt - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng.	1, 2
22		Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.			3
23	5	Thực hiện được một số việc đơn giản: - Trẻ tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định và biết đeo khẩu trang - Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giật nước cho sạch.		- Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.	1, 2
24		- Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.			3
25	4	Có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã.	* 4, 5 tuổi: - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.		4, 8
26	5	Có một số hành vi và thói quen trong ăn uống:			4, 8

		- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.			
27	4	Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. Đi dép giầy khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định.	* 4, 5 tuổi: - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của việc mặc trang phục phù hợp với thời tiết.	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản.	2, 8
28	5	Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: - Vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ		- Sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm nguyên nhân và cách phòng tránh.	2, 8

		bậy ra lớp.			
29	4	Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn, không nên nghịch.	* 4, 5 tuổi: - Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.		3, 7
30	5	Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.			3, 7
31	4	Nhận ra những nơi như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	* 4, 5 tuổi: - Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn.		6, 8
32	5	Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần.			6, 8
33	4	Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi	* 4, 5 tuổi: - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm. *- Trẻ được bảo vệ tính mạng, được bảo đảm tốt nhất các điều kiện sống và phát triển;* *- Trẻ thực hành thói quen an toàn cá nhân.*		5

		trường khi không được phép của cô giáo. *- Quyền được sống: Quyền sống.*			
34	5	Biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: - Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc.... - Biết không tự ý uống thuốc. - Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe. *- Quyền được sống: Quyền sống.*			5
35	4	Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: Cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	* 4, 5 tuổi: - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.		3, 9, 7
36	5	Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có			3, 9

		bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.			
37		Thực hiện đúng một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...			7
2. Giáo dục phát triển nhận thức					
a) Khám khá khoa học					
38		Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi	* 4, 5 tuổi: - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm, công dụng và cách sử	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.	8

	4	của sự vật, hiện tượng: "Vì sao cây lại héo?", "Vì sao lá cây bị ướt?"....	dụng đồ dùng, đồ chơi. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo và cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi (4t: 1 - 2; 5t: 2 - 3 dấu hiệu). - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại (4t: 1 - 2; 5t: 2 – 3) dấu hiệu. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của (4t: 2, 5t: một số) con vật, cây, hoa, quả. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo (4t: 1 – 2; 5t: 2 – 3) dấu hiệu. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Lợi ích của nước đối với đời sống con người, con vật, cây. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây		
39	5	Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: "Tại sao có mưa?"...		- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Sự khác nhau gữa mặt trời, mặt trăng).	8
40	4	Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.		- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.	5,6
41	5	Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.		- Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của một số loại cây, con vật. - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả.	5, 6
42	4	Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.			8
43	5	Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví		- Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.	8

		dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.	ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - Sự thay đổi bất thường về thời tiết mùa xuân; Đang nóng thì chuyển sang lạnh, nhiệt độ tăng giảm đột ngột. - Ảnh hưởng biến đổi khí hậu đến ngày tết; cuối mùa đông đầu mùa xuân không còn lạnh, nhiều ngày nắng dẫn đến hoa nở sớm, thời tiết những ngày nắng cũng dễ làm ôi thiu bánh chưng, giò và các đồ ăn khác - Ảnh hưởng của thiên tai đối với các hoạt động của các phương tiện giao thông; gây ách tắc giao thông, hỏng công trình đường bộ cầu cống, hỏng các phương tiện giao thông. - Mối quan hệ của thực vật với biến đổi khí hậu và thiên tai: + Ảnh hưởng của thiên tai đối thực;		
44	4	Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.			2
45	5	Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.			2
46	4	Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.			1, 3, 5, 6, 7
47	5	Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.			1, 3, 5, 6, 7
48	4	Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”.			5, 6
49	5	Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.			8
50	4	Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.			7
51	5	Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các			7

		cách khác nhau.	làm hoa dập nát, hoa chết, bị chôn vùi, không phát triển được, nhiều loại sâu bệnh + Ích lợi của thực vật đối với phòng, chống thiên tai; giữ nước, chống sạt lở đất, điều hòa không khí bảo vệ môi trường. - Mối quan hệ của động vật với biến đổi khí hậu và thiên tai: + Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và thiên tai đối với đời sống động vật; ô nhiễm môi trường, xáo trộn môi trường sống, thiếu nước, giảm nguồn thức ăn, không còn nơi cư trú, chết một số loài động vật, dịch bệnh.		
52	4	Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.		So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 – 3 đồ dùng, đồ chơi.	1, 3
53	5	Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau giống nhau của các đối tượng được quan sát.		So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng.	1, 3
54	4	Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...			4,9
55	5	Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình…			4,9
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán					
56	4	Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: “Bao nhiêu?”; “Là số mấy?”...	* 4, 5 tuổi: - Đếm theo khả năng.		1, 4
57	5	Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: “Bao nhiêu?”; “Đây là mấy?”...			1, 4
58	4	Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.		- Đếm trên đối tượng trong	4, 5, 6, 7, 9

				phạm vi 10 và đếm theo khả năng	
59	5	Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.		- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng	4, 5, 6, 7, 9
60	4	So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.			7, 9
61	5	So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.			7, 9
62	4	Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.		- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.	4, 5, 6, 7, 9
63	5	Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.			4, 5, 6, 7, 9
64	4	Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.		- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	4, 5, 6, 7, 9
65	5	Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.		- Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm	4, 5, 6, 7, 9
66	4	Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	* 4, 5 tuổi: - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (số nhà, biển số xe...).	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.	4, 7
67	5	Nhận biết được các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ		- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.	4, 7

		số lượng, số thứ tự.			
68	4	Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.			6, 9
69	5	Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.			6,9
70	4	Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	* 4, 5 tuổi: - So sánh phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.	- Xếp tương ứng 1 - 1 ghép đôi.	1, 4
71	5	Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.		- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan	1,4
72		Nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.			1
73		Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.		- Tạo ra quy tắc sắp xếp.	1
74	4	Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	* 4, 5 tuổi: - Đo độ dài một vật bằng (4t: một đơn vị đo, 5t: các đơn vị đo khác nhau).	- Đo dung tích bằng một đơn vị đo.	8
75	5	Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.		- Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.	8
76	4	Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,...)	* 4, 5 tuổi: - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình vuông, tròn, tam giác, chữ nhật.	3

77	4	Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	yêu cầu.		3
78	5	Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và trụ, khối vuông và khối chữ nhật.		- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối đó trong thực tế. - Tạo ra một số hình học phẳng bằng các cách khác nhau	3
79	4	Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	* 4, 5 tuổi: - Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước – phía sau; phía trên – phía dưới; phía phải – phía trái). (5T: so với một vật nào đó làm chuẩn).		2
80	5	Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.			2
81	4	Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.		- Nhận biết các buổi: Sáng, trưa, chiều, tối.	8
82	5	Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.		- Nhận biết hôm nay, hôm qua, ngày mai. - Gọi tên các ngày trong tuần	8
C, Khám phá xã hội					
83	4	Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	* 4, 5 tuổi: - Họ tên, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. - Địa chỉ gia đình. - Công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.	- Tuổi của bản thân.	3
84	5	Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.		- Ngày sinh của bản thân, và vị trí của trẻ trong gia đình.	

85	4	Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Các hoạt động của trẻ ở trường. - Hoạt động sinh hoạt của gia đình, hướng đến bảo vệ môi trường, hạn chế biến đổi khí hậu - Hoạt động phòng, chống thiên tai của gia đình	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình.	3
86	5	Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.		- Các thành viên trong gia đình, nghề của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình.	3
87	4	Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.			3
88	5	Nói địa chỉ gia đình mình (Số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có)... khi được hỏi trò chuyện.			3
89	4	Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.		- Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và của cô giáo và các cô bác ở trường.	1
90	5	Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.		- Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non; công việc của các cô, bác trong trường.	1
91	4	Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi			1

		được hỏi, trò chuyện.			
92	5	Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện			1
93	4	Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.		- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn;	1,2
94	5	Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp, khi được hỏi, trò chuyện.		- Đặc điểm, sở thích của các bạn.	1,2
95	4	Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi...của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	* 4, 5 tuổi: - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. - Một số nghề có vai trò, trách nhiệm tham gia vào các công tác phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; dự báo khí tượng thủy văn, phát thanh viên chương trình dự báo thời tiết, công nhân vệ sinh môi trường, cứu hộ, cứu nạn - Một số nghề khác có mối quan hệ giữa hoạt động nghề nghiệp đối với môi trường (khai thác tài nguyên, sử dụng nguyên liệu, nhiên		4
96	5	Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. ví dụ: nói "Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới..."			4

			liệu, nước thải, khí thải của hoạt động sản xuất, sử dụng hóa chất, thuốc kích thích tăng trưởng....là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, dẫn đến sự biến đổi khí hậu và thiên tai gia tăng		
97	4	Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	* 4, 5 tuổi: - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương đất nước. - Khám phá bản đồ Việt Nam, khí hậu vùng miền (Đồng bằng; ngập úng, lũ lụt. Miền núi; sạt lở đất, xói mòn) - Khi đi du lịch, bé cần có ý thức bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên và cảnh giác với các hiện tượng thiên tai có thể xảy ra *- Trẻ được tôn trọng đặc Điểm và giá trị riêng của bản thân và văn hóa dân tộc.* *- Trẻ được dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc, phát huy truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc mình.*		1
98	5	Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. ví dụ nói: "Ngày quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...".			1
99	4	Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương. *- Quyền được phát triển: Quyền giữ gìn, phát huy bản sắc.*			9
100	5	Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước. *- Quyền được phát triển: Quyền giữ gìn, phát huy bản sắc*.			9

3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ					
101	4	Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: "Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng".	* 4, 5 tuổi: - Hiểu và làm theo 2, 3 yêu cầu (5t: liên tiếp). - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi. *- Trẻ được bày tỏ ý kiến theo cách hiểu của trẻ.*	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.	2,4
102	5	Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: "Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái".			2,4
103	4	Hiểu nghĩa từ khái quát: rau, quả, con vật, đồ gỗ…			1, 3, 6, 7
104	5	Hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,…).		- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa	1, 3, 6, 7
105	4	Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại. *- Quyền được tham gia:* *Quyền bày tỏ ý kiến*		- Trả lời và đặt câu hỏi: "Ai?"; "Cái gì?"; "Ở đâu?"; "khi nào?"; "Để làm gì?"	6,9
106	5	Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại. *- Quyền được tham gia:* *Quyền bày tỏ ý kiến*		- Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: "Tại sao? Có gì giống nhau? Có gì khác? Do đâu mà có? - Đặt các câu hỏi: "Tại sao?"; "Như thế nào?"; "Làm bằng gì?".	6,9
	4	Nói rõ để người nghe	* 4, 5 tuổi:	- Phát âm các	2,8

107		có thể hiểu được.	- Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu hoàn cảnh giao tiếp. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu hiểu biết của bản thân (5t: rõ ràng, dễ hiểu) bằng các câu đơn, câu ghép (5t: khác nhau). - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Kể lại chuyện đã được nghe. (5t: theo trình tự) - Đóng kịch.	tiếng có chứa âm khó.	
108	5	Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.		- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - Kể lại sự việc theo trình tự.	2,8
109	4	Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,…			4,5
110	5	Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm, … phù hợp với ngữ cảnh.			4,5
111	4	Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.			6,9
112	5	Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh,…			6,9
113	4	Kể lại sự việc theo trình tự.		- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.	3,5
114	5	Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái,… của nhân vật.		- Kể lại truyện đã nghe theo trình tự tự.	3,5
115	4	Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao…			1-9
116	5	Đọc biểu cảm bài thơ ca dao, đồng dao…			1-9
117	4	Kể chuyện có mở đầu, kết thúc.		- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.	1, 4, 6, 7
118	5	Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện… trong nội dung truyện.		- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh.	1, 4, 6, 7

119	4	Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.			2, 3, 5, 8
120	5	Đóng được vai của nhân vật trong truyện.			2, 3, 5, 8
121	4	Sử dụng các từ như: "Mời cô"; "Mời bạn"; "Cám ơn"; "Xin lỗi"… trong giao tiếp.		- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	1,5
122	5	Sử dụng các từ: "Cảm ơn"; "Xin lỗi"; "Xin phép"; "Thưa"; "Dạ"; "Vâng"…phù hợp với tình huống		- Sử dụng các từ biểu cảm hình tượng.	1,5
123	4	Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.			2,5
124	5	Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.			2,5
125	4	Chọn sách để xem.	* 4, 5 tuổi: - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,…) - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Làm quen với cách đọc, và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ: đọc		5
126	5	Chọn sách để "đọc" và xem.			5
127	4	Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.			4,8
128	5	Kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân			4,8
129	4	Cầm sách đúng chiều và giơ từng trang để xem tranh ảnh. "Đọc" sách theo tranh minh họa ("đọc vẹt").			1-9
130	5	Biết cách "đọc sách" từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.			1-9
	4	Nhận ra ký hiệu			3,7

131		thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,..	ngắt nghỉ sau các dấu. - Nhận dạng (4t: một số, 5t: các) chữ cái.) - Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - "Đọc" truyện qua các tranh vẽ. - Giữ gìn bảo, vệ sách		
132	5	Nhận ra ký hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông…			3,7
133	4	Nhận biết sử dụng ký hiệu để "Viết": tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng…			1-9
134	5	Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.			1-9
135		Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.		- Sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên mình	1-9
4. Giáo dục phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội					
136	4	Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	* 4, 5 tuổi: - Sở thích, khả năng của bản thân. - Nhận biết một số trạng thái, cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, 5t: xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, (5 tuổi: âm nhạc). - Kính yêu Bác Hồ - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng đồ, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên	- Tên, tuổi, giới tính.	2
137	5	Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.			2
138	4	Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được. *- Quyền được tham gia:* *Quyền được vui chơi, giải trí.*			1,3
139	5	Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được. *- Quyền được tham*		- Mạnh dạn tự tin bày tỏ ý kiến.	1,3

		gia: *Quyền được vui chơi, giải trí.*	phải lề đường). - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ lễ phép, (5t: lịch sự) - Hợp tác - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. - Quan tâm, (5t: chia sẻ), giúp đỡ bạn. - Tiết kiệm điện, nước. - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. - Khi đi du lịch, bé cần có ý thức bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên và cảnh giác với các hiện tượng thiên tai có thể xảy ra. *- Trẻ được tự do lựa chọn khu vực chơi, nhóm chơi trẻ thích, được bình đẳng khi chơi.* *- Trẻ được bảo vệ để không bị bóc lột sức lao động; không làm công việc nặng nhọc quá độ tuổi của trẻ. Không bị lạm dụng sức lao động.*		
140		Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).		- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác	2
141		Biết mình là con/ cháu / anh /chị / em trong gia đình.		- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học	3
142		Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.		- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.	1,3
143	4	Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.			5,6
144	5	Tự làm một số việc đơn giản hàng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).		- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.	5,6
145	4	Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi). *Quyền được bảo vệ: Quyền được bảo vệ để không bị bóc lột sức lao động*			4,7
146	5	Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao. *Quyền được bảo vệ: Quyền được bảo vệ để không bị bóc lột sức lao động.*		- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp gọn đồ chơi...).	4,7
147	4	Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.		- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận	8

				động; vẽ, nặn, xếp hình.	
148	5	Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.		- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống khác nhau.	8
149	4	Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.			3,4
150	5	Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.		- Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.	3,4
151	4	Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.			9
152	5	Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.			9
153	4	Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.			9
154	5	Biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.			9
155		Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)			9
156	4	Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.			9
157	5	Biết một vài cảnh			9

		đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.			
158	4	Thực hiện một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.		- Phân biệt hành vi "đúng" – "sai", "tốt" – "xấu".	3,6,9
159	5	Thực hiện được một số quy định ở lớp, và gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.		- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" – "sai", "tốt" – "xấu".	3,6,9
160	4	Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.			8
161	5	Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.			8
162	4	Chú ý nghe khi cô, bạn nói.			6
163	5	Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.			6
164	4	Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.		- Chờ đến lượt	3
165	5	Trẻ biết chờ đến lượt.		- Tôn trọng, chấp nhận	3
166	4	Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...)			5,8
167	5	Biết lắng nghe ý			5

		kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.			
168		Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).			8
169	4	Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.			5,6
170	5				5,6
171	4	Bỏ rác đúng nơi quy định.			1,2
172	5				1,2
173	4	Không bẻ cành, bứt hoa.			6
174	5	Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).			6
175	4	Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.			8
176	5	Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.			8
5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ					
177	4	Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện		- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tương thiên nhiên trong cuộc sông và tác phẩm nghệ	2,3

		tượng.		thuật	
178	5	Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.		- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.	2,3
179	4	Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.		- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca)	4,6
180	5	Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.		- Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.	4,6
181	4	Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ ...	* 4, 5 tuổi: - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể sắc thái, tình cảm của bài hát		1-9
182	5	Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua			1-9

		giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...			
	4	Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	* 4, 5 tuổi: - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu (5t: và thể hiện sắc thái phù hợp với) các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo tiết tấu.		1-9
	5	Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).			1-9
	4	Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.		- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.	5,8
		Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.		- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.	5,8
181	4	Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.		- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.	3,6
182	5	Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.		- Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).	3,6
	4	Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng…) của các tác phẩm tạo hình.	* 4, 5 tuổi: - (5t:Lựa chọn), Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, (5t: phế liệu) để tạo ra sản phẩm.		5,6
	5	Thích thú, ngắm nhìn			5,6

		và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét (5t: và bố cục).		
	4	Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.			2,9
	5	Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.			2,9
	4	Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.		- Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng / đường nét.	1-9
	5	Phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.		- Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.	1-9
	4	Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.		- Sử dụng một số kỹ năng cắt, xé dán, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng / đường nét.	5, 6, 8
	5	Phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.		- Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.	5, 6, 8
	4	Làm lõm, dỗ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn		- Sử dụng một số kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm	2, 3, 4, 5, 6, 7

		thành sản phẩm có nhiều chi tiết.		có màu sắc, kích thước, hình dáng / đường nét	
	5	Phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.			2, 3, 4, 5, 6, 7
	4	Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.		- Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng / đường nét.	7
	5	Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.		- Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.	7
	5	Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.			2,3
	4	Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. *- Quyền được phát triển: Quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu*	* 4, 5 tuổi: - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. *- Trẻ được lựa chọn, phát triển môn năng khiếu mà trẻ thích.*	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tao ra sản phẩm theo ý thích.	8
	5			- Tìm kiếm lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	8
	4	Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	* 4, 5 tuổi: - Đặt tên cho sản phẩm của mình.		9
	5				9

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Thời gian (Tháng, từ ngày 8/9/2025 - 22/5/2026)	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/hội	Điều chỉnh bổ sung
Tháng 9 (từ ngày 08/9/2025 đến 26/09/2025)	1	Trường mầm non thân yêu (3 tuần)	- Trường mầm non của bé	1 tuần		8/9 – 12/9
			- Lớp học của bé	1 tuần		15/9 – 19/9
			Khu vui chơi và sân trường	1 tuần		22/9 – 26/9
Tháng 9 - 10 (từ ngày 29/09/2025 đến 24/10/2025)	2	Bản thân (4 tuần)	- Tôi là ai	1 tuần	- Tết trung thu (06/10/2025) - Ngày hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam (20/10/2025)	29/9 – 3/10
			- Bé vui tết trung thu	1 tuần		6/10 – 10/10
			- Cơ thể của tôi	1 tuần		13/10 – 17/10
			- Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	1 tuần		20/10 – 24/10
Tháng 10 - 11 (từ ngày 27/10/2025 đến 21/11/2025)	3	Gia đình (4 tuần)	- Công việc và những thành viên trong gia đình.	1 tuần	Ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/2025)	27/10 – 31/10
			- Ngôi nhà bé yêu	1 tuần		3/11 – 7/11
			- Đồ dùng trong gia đình của bé	1 tuần		10/11 – 14/11
			- Ngày nhà giáo Việt Nam	1 tuần		17/11 – 21/11
Tháng 11 - 12 (từ ngày 24/11/2025 đến 19/12/2025)	4	Nghề nghiệp (4 tuần)	- Nghề sản xuất	1 tuần		24/11 – 28/11
			- Nghề xây dựng	1 tuần		01/12 – 5/12
			- Nghề bác sĩ	1 tuần		8/12 – 12/12
			- Nghề bộ đội, công an	1 tuần		15/12 – 19/12
Tháng 12 - 2 (từ ngày 22/12/2025		Thế giới Động vật	- Động vật nuôi trong gia đình	1 tuần	- Ngày Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12/2025) - Tết dương	22/12 – 26/12
			- Động vật sống dưới nước	1 tuần		29/12 – 02/01
			- Động vật	1 tuần		05/01 – 9/01

đến 23/01/2026)	5	(5 tuần)	sống trong rừng		lịch (01/01/2025) - Kết thúc học kì I (15/01/2026) - Bắt đầu học kì II (16/01/2026)	
			- Một số loại chim	1 tuần		12/01 – 16/01
			- Một số loại côn trùng	1 tuần		19/01 – 23/01
Tháng 02 - 3 (từ ngày 26/01/2026 đến 06/03/2026	6	Thế giới Thực vật (5 tuần)	- Một số loại cây xanh.	1 tuần	- Ngày thầy thuốc Việt Nam 27/02/2025.). - Tết Nguyên đán 2025. - Ngày Quốc tế phụ nữ (8/3/2025)	26/01 – 30/01
			- Một số loại hoa, quả	1 tuần		02/02 – 6/02
			- Mùa xuân và tết Nguyên Đán	1 tuần		09/02 – 13/02
			- Một số loại rau	1 tuần		23/02 – 27/02
			- Ngày hội 8/3	1 tuần		02/3 – 6/3
Tháng 3 - 4 (từ ngày 09/03/2026 đến 03/04/2026)	7	Phương tiện và một số luật giao thông (4 tuần)	- Phương tiện giao thông đường bộ	1 tuần	- Thi tài năng nhí cấp trường. - Ngày Giỗ tổ Hùng Vương (10/3/2025 âm lịch – 26/4/2025 dương lịch)	9/3 – 13/3
			- Phương tiện giao thông đường thủy	1 tuần		16/3 – 20/3
			- Phương tiện giao thông đường không	1tuần		23/3 – 27/03
			- Luật giao thông	1 tuần		30/3 – 3/4
Tháng 4 - 5 (từ ngày 06/04/2026 đến 24/04/2026)	8	Nước và các hiện tượng tự nhiên (3 tuần)	- Các hiện tượng tự nhiên	2 tuần	- Ngày giải phóng miền Nam thông nhất đất nước (30/04/2025). - Quốc tế lao động (1/05/2025)	6/4 – 10/4
						13/4 – 17/4
			- Nước.	1 tuần		20/4 – 24/4
Tháng 5 (từ ngày 04/05/2026	9	Quê hương - Đất nước	- Quê hương - Đất nước	1 tuần	Kết thúc học kì II (22/05/2026)	4/5 – 8/5

đến 22/05/2026)		- Bác Hồ - Trường Tiểu học (3 tuần)	- Bác Hồ - Bác Hồ với các cháu thiếu nhi.	1 tuần		11/4 – 15/5
			- Trường tiểu học	1 tuần		18/4 – 22/5

NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lò Thị Liên

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

U.B.N.D XÃ QUẢNG LÂM TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG MẦM NON QUẢNG LÂM

Lò Thị Hạnh